

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 18/10/2019.

V/v: “Tranh chấp huê/hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Bẩy.

2. Ông Võ Đức Hơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST-DS ngày 03/4/2019, về việc: “Tranh chấp huê/hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-DS ngày 20/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-DS ngày 10/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1936; Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hồ Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố 4, phường Bình T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hồ Văn N – sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố 4, phường Bình T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019, cùng các lời khai trong quá trình

giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2015 và 2016 (âm lịch) bà C tham gia chơi 03 dây huê do bà Phạm Thị D làm thủ, cụ thể:

Dây thứ nhất, mỗi tháng đóng 20.000.000 đồng, gồm 16 phần, đóng thủ 20.000.000 đồng vào ngày 20/09/2015 (âm lịch), khai ngày 20/10/2015 (âm lịch), mãn ngày 20/12/2016 (âm lịch), hốt chót được 300.000.000 đồng. Bà C tham gia chơi 01 phần (trong đó bà D cũng tham gia chơi, bà D vừa làm thủ và vừa là người chơi). Quá trình chơi huê, bà C đã đóng đủ huê và hốt huê được 280.000.000 đồng, bà D chùng tiền huê cho bà C được 110.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng bà D chưa chùng tiền;

Dây thứ hai, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng, gồm 12 phần, đóng thủ 10.000.000 đồng, khai ngày 10/01/2016 (âm lịch), mãn ngày 10/12/2016 (âm lịch), hốt chót được 110.000.000 đồng. Bà C tham gia chơi 01 phần (trong đó bà D cũng tham gia chơi, bà D vừa làm thủ và vừa là người chơi). Quá trình chơi huê, bà C đã đóng đủ huê và hốt huê được 98.000.000 đồng, bà D chùng tiền huê cho bà C được 49.000.000 đồng, còn lại 49.000.000 đồng bà D chưa chùng tiền;

Dây thứ ba, mỗi tháng đóng 20.000.000 đồng, gồm 16 phần, do bà D không đưa sổ huê nên bà C không biết ngày khai, ngày mãn của dây huê, hốt chót được 300.000.000 đồng. Bà C tham gia chơi 01 phần. Quá trình chơi huê bà C đã đóng cho bà D 05 tháng tiền huê là 77.200.000 đồng, sau đó bà D vỡ huê nên dây huê ngưng.

Sau đó, giữa bà C và bà D có đối chiếu số tiền bà D nợ huê bà C tổng cộng 280.000.000 đồng và bà D có viết Giấy xác nhận nợ và hứa ngày 20 tháng chạp sẽ trả nợ nhưng nội dung thỏa thuận không thể hiện ngày tháng năm viết giấy cũng như năm trả nợ. Đến hạn trả nợ, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn cứ hứa hẹn, trây ỳ không chịu trả. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị D trả 280.000.000 đồng tiền nợ huê, không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày năm làm giấy xác nhận nợ là 2018. Phía nguyên đơn đưa ra phương thức cho bà D trả nợ là: Sau khi xử xong bà D phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trước, sau đó trả hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ

Theo bản tự khai, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận bà C có tham gia chơi 03 dây huê do bị đơn làm thủ và thống nhất nội dung chơi 03 dây huê như phía nguyên đơn trình bày. Sau đó, giữa bị đơn và nguyên đơn có đối chiếu số tiền bị đơn nợ huê nguyên đơn, tổng cộng 280.000.000 đồng và bị đơn có viết Giấy xác nhận nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 280.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý.

Tại phiên tòa, bà D vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn N.

Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập ông Hồ Văn N và niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng ông N không chấp hành.

Tại phiên tòa, ông N vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 280.000.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe trình bày của đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]***Về thẩm quyền:*** Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ huê/hụi, bị đơn có địa chỉ tại khu phố 4, phường Bình T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]***Về tố tụng:*** Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn bà Phạm Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]***Về quan hệ pháp luật:*** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ huê/hụi và thời điểm hai bên bắt đầu chơi huê và mần huê là vào năm 2015, 2016 khi Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực. Vì vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về huê/hụi, được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2005 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về Hộ, Hụi, Bêu, Phường.

[4]***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 280.000.000 đồng tiền nợ huê, quá trình làm việc tại Tòa bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 280.000.000 đồng tiền nợ huê. Qua đó cho thấy lời trình bày của

các bên đương sự là thống nhất. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị D phải trả số tiền huê còn nợ là 280.000.000 đồng. Quá trình giải quyết bị đơn trình bày việc chơi huê chồng bị đơn không biết, không liên quan và số tiền tham gia chơi huê là tài sản riêng của bị đơn. Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập ông Hồ Văn N và niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng ông N không chấp hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 280.000.000 đồng tiền nợ huê.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đưa ra phương thức cho bà D trả nợ là: Sau khi xử xong bà D phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trước, sau đó trả hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không có mặt bà D tại phiên tòa để hai bên thỏa thuận, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về yêu cầu của nguyên đơn.

[5] *Về lãi suất*: Nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 479 Bộ luật dân sự 2005 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về Hộ, Hui, Bêu, Phường.

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị C 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền nợ huê.

Kể từ ngày 19/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn